

Địa chỉ: 164 Bà Triệu - Đồng Phú - Đồng Hới - Quảng Bình. Điện thoại: 0232.3822554 Fax: 0232.3845492

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Số: 280/KQXNN.

(Không được trích sao một phần của kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của giám đốc trung tâm)

Tên khách hàng: Công ty cổ phần cấp nước Quảng Bình.
Địa chỉ: 81 Lý Thường Kiệt – Đồng Hới – Quảng Bình
Địa điểm lấy mẫu: Nhà máy nước Ba Đồn – KP1 – P. Ba Đồn – TX. Ba Đồn – Quảng Bình.
Tên mẫu: Nước máy Mã số: 280/XNN/2021 Lượng mẫu: 1,5 lít
Mô tả mẫu: Mẫu đựng trong chai nhựa, đậy kín miệng. Mẫu do khách hàng mang tới
Ngày lấy mẫu/nhận mẫu: 01/7/2021 Ngày hẹn trả kết quả: 19/7/2021
Thời gian lưu mẫu: 10 ngày kể từ ngày ban hành kết quả, hết thời gian lưu mẫu trung tâm sẽ không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại của khách hàng

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

TT	Chỉ tiêu/đơn vị	Kết quả	Phương pháp	Giới hạn cho phép (¹)
1	Hàm lượng Amoni, mg/l	KPH	SMEWW 3500-NH ₃	0,3
2	Chỉ số Pecmanganat, mgO ₂ /l	0,32	TCVN 6186:1996 ^(*)	2,0
3	Độ cứng, tính mg CaCO ₃ /l	83	TCVN 6224-1996 ^(*)	300
4	Hàm lượng Mangan, mg/l	0,014	SMEWW 3111-B (2017)	0,1
5	Hàm lượng Sắt, mg/l	KPH (LOD:0,03mg/l)	SMEWW 3500-Fe (2017) ^(*)	0,3
6	Hàm lượng Nitrit, mg/l	KPH (LOD:0,03mg/l)	SMEWW 4500-NO ₂ ^(*)	0,05
7	Hàm lượng Nitrat, mg/l	0,12	TCVN 6180:1996 ^(*)	2,0
8	Hàm lượng Sunfat, mg/l	11,87	SMEWW 4500-SO ₄	250
9	Hàm lượng Clorua, mg/l	41,18	TCVN 6194:1996 ^(*)	250
10	Tổng số chất rắn hoà tan, mg/l	183	QT.MT.19.20/HL	1000
11	Hàm lượng phenol và dẫn xuất	KPH (LOD= 1µg/l)	TS-KT-ST-121:2020	1
12	1,1,1-Tricloroetan, µg/l	KPH (LOD= 0,01mg/l)	TS-KT-ST-92:2020	0,01
13	1,2- Dicloroetan	KPH (LOD= 0,01mg/l)	TS-KT-ST-92:2020	0,01
14	1,2- Dicloroeten	KPH (LOD= 0,01mg/l)	TS-KT-ST-92:2020	0,01
15	Carbotetraclorua	KPH (LOD= 0,01mg/l)	TS-KT-ST-92:2020	0,01
16	Diclorometan	KPH (LOD= 0,01mg/l)	TS-KT-ST-92:2020	0,01
17	Tetracloroetan	KPH (LOD= 10µg/l)	TS-KT-ST-92:2018	10
18	Tricloroetan	KPH (LOD= 10µg/l)	TS-KT-ST-92:2018	10
19	Vinyl clorua	KPH (LOD= 0,01mg/l)	TS-KT-ST-92:2020	0,01
20	1,2- Dicloruabenzen	KPH (LOD= 0,01mg/l)	TS-KT-ST-92:2020	0,01

Phiếu kết quả thử nghiệm này chỉ có giá trị đối với mẫu được thử nghiệm. Các thông tin về tên khách hàng, tên mẫu, thông tin lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

21	Monoloruabenzen	KPH (LOD= 50µg/l)	TS-KT-ST-92:2020	50
22	Triclobenzen	KPH (LOD= 0,3µg/l)	TS-KT-ST-15:2020	0,3
23	<i>Pseudomonas aeruginosa</i> , CFU/100ml	0	ISO 16266:2006 ^(*)	< 1
24	<i>Staphylococcus aureus</i> , CFU/100ml	0	SMEWW9213B:2017	< 1

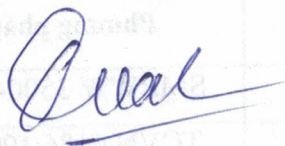
KẾT LUẬN: Các chỉ tiêu đã kiểm nghiệm của mẫu nước máy trên đạt tiêu chuẩn vệ sinh về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt theo QCVN 01-1:2018/BYT.

Ghi chú:

- ⁽¹⁾ Giới hạn cho phép theo QCVN 01-1:2018/BYT
- ^(*) Các chỉ tiêu được Vilas công nhận
- KPH: Không phát hiện
- LOD: Giới hạn phát hiện
- ^(**) Các chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ

Đồng Hới, ngày 19 tháng 7 năm 2021

**KT.TRƯỞNG KHOA
PHÓ TRƯỞNG KHOA**



Dương Viết Quảng

**KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Lê Minh Tiến

Phiếu kết quả thử nghiệm này chỉ có giá trị đối với mẫu được thử nghiệm. Các thông tin về tên khách hàng, tên mẫu, thông tin lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.